

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ,
THEO DÕI THAHC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

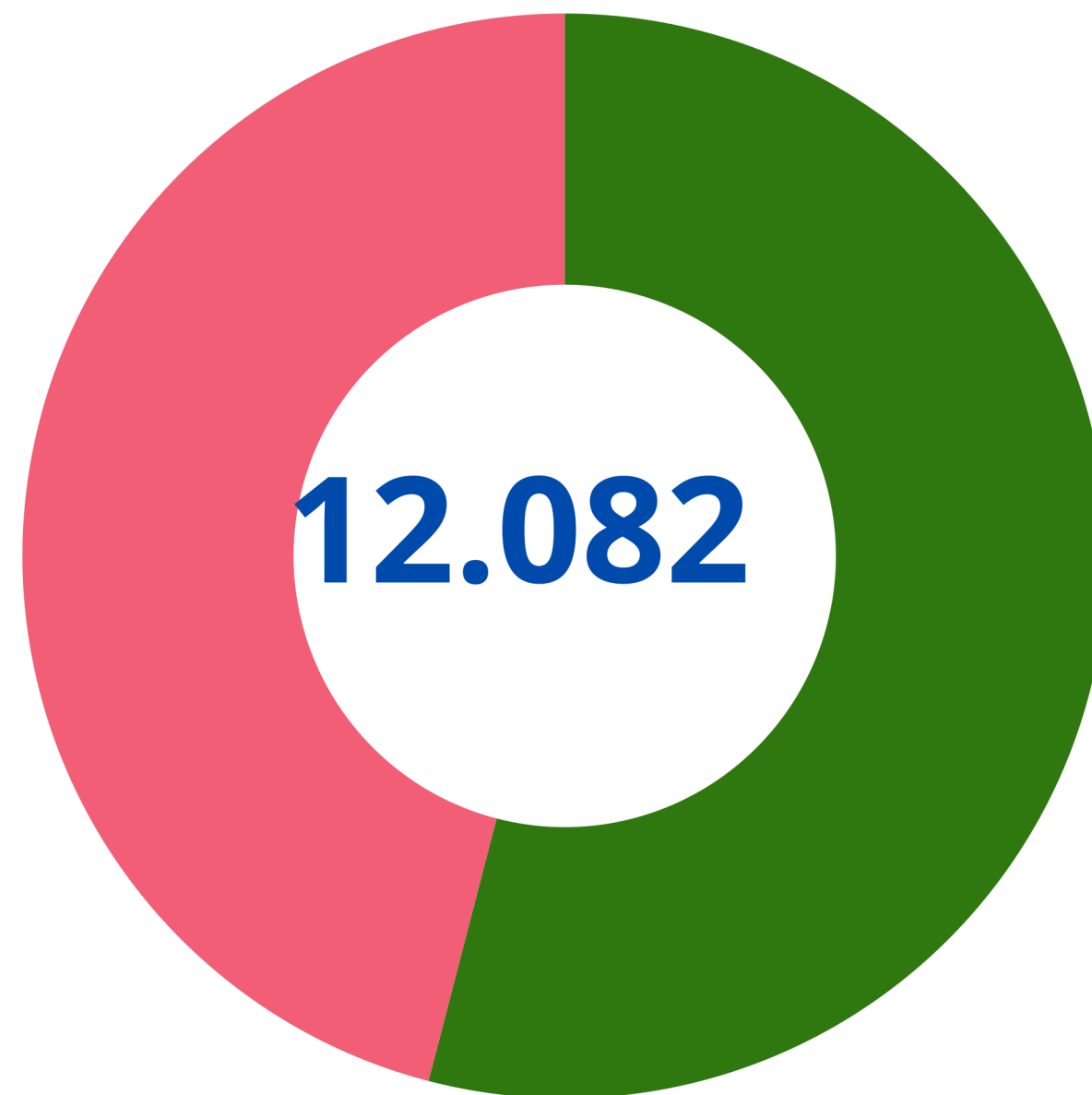
KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ VIỆC

TỔNG SỐ GIẢI QUYẾT

12.082

Tổng số bản án, quyết định đã nhận là 3.563 bản án, quyết định; Tổng số giải quyết là **12.082**, trong đó: Số cũ chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) là 6.529 việc; Số thụ lý mới là 5.553 việc, tăng 1.650 việc (tăng 15,82%) so với cùng kỳ năm 2023;

Thụ lý mới
46%



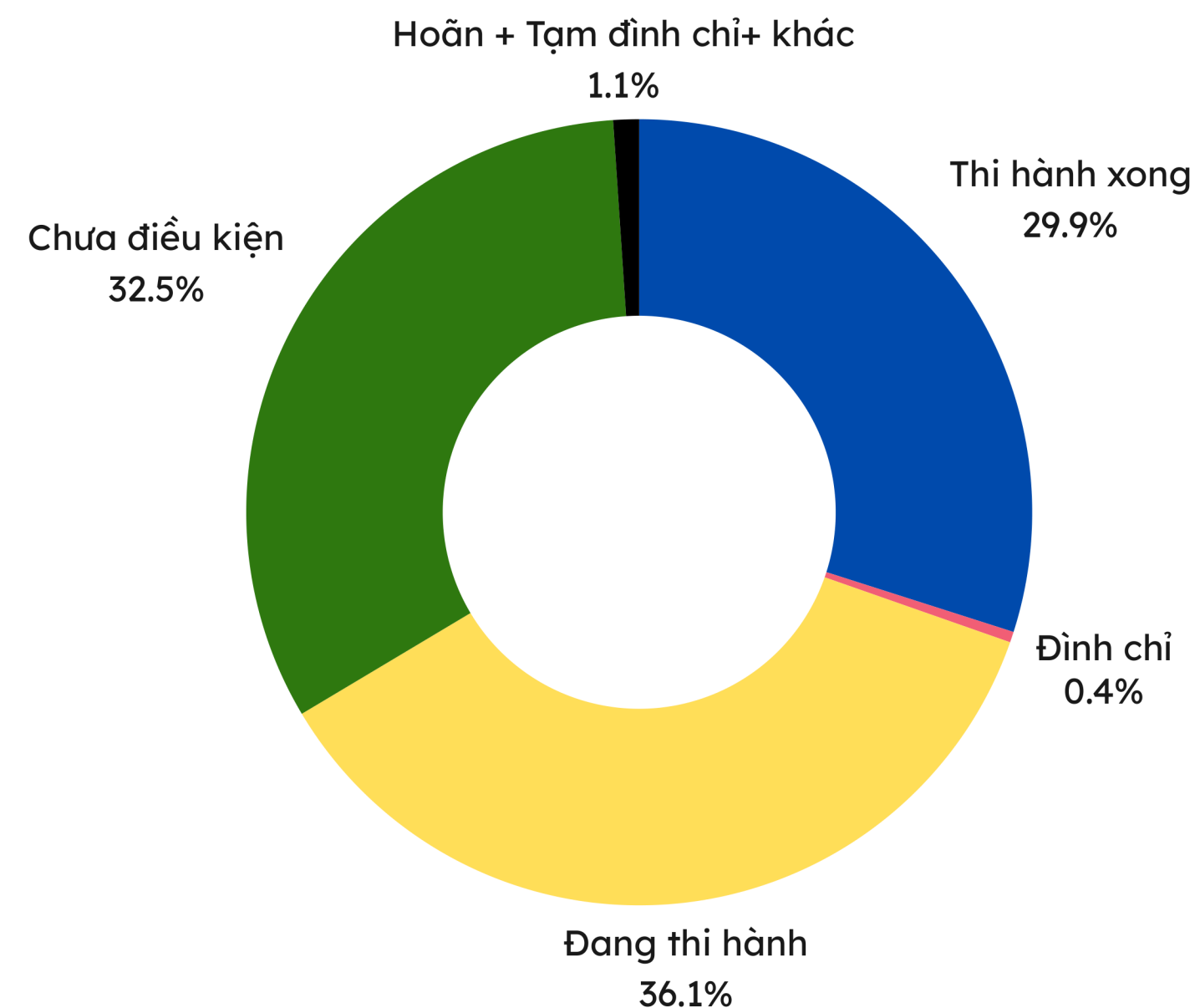
Số cũ chuyển sang
54%

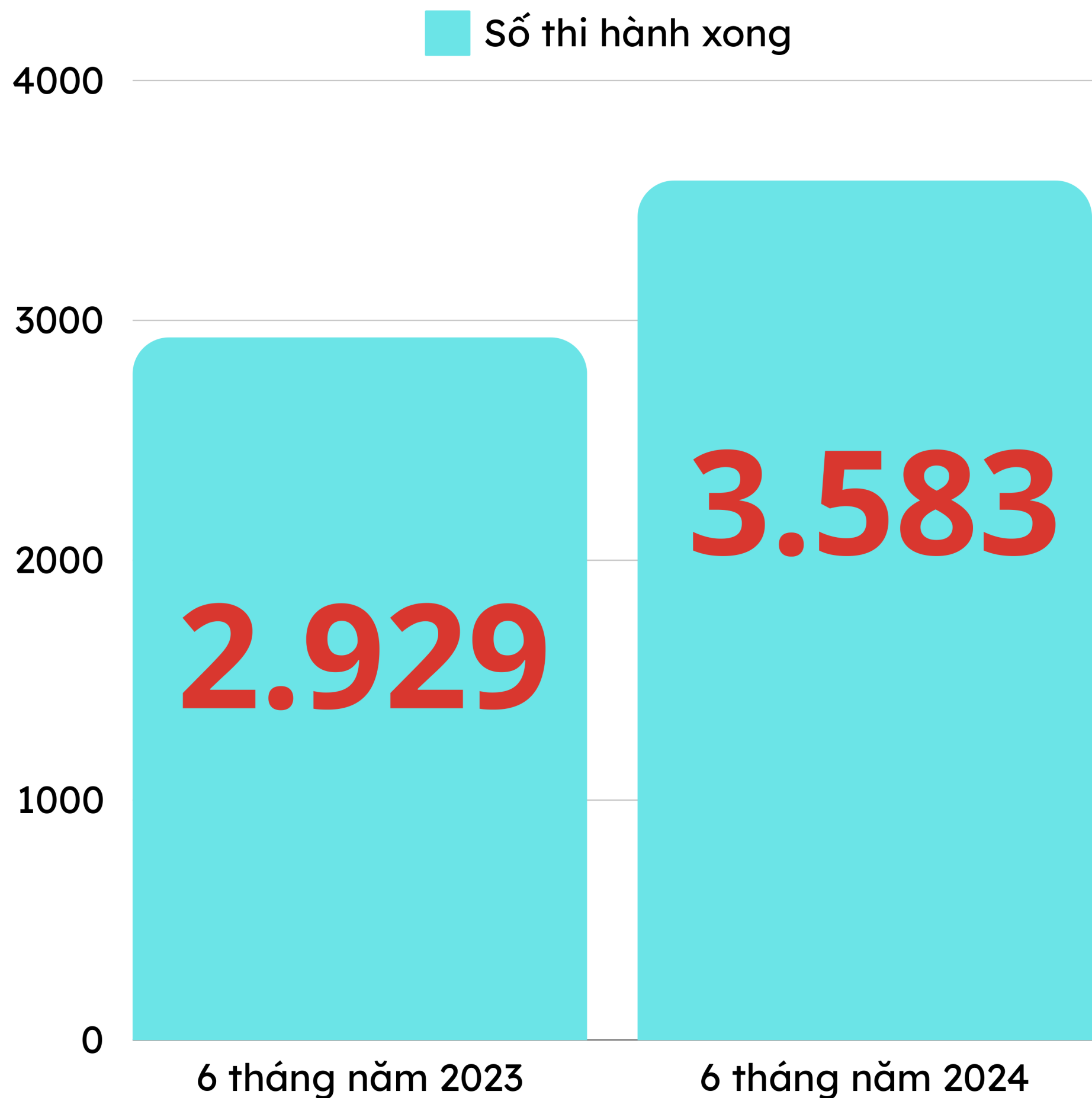
TỔNG SỐ PHẢI THI HÀNH

11.800

tổng số phải thi hành là 11.800 việc, trong đó: Số có điều kiện thi hành là 7.846 việc, chiếm 66,49% trong tổng số phải thi hành; Số chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng) là 3.836 việc, chiếm 32,51% trong tổng số phải thi hành;

Biểu đồ phân loại Thi hành án





THI HÀNH XONG

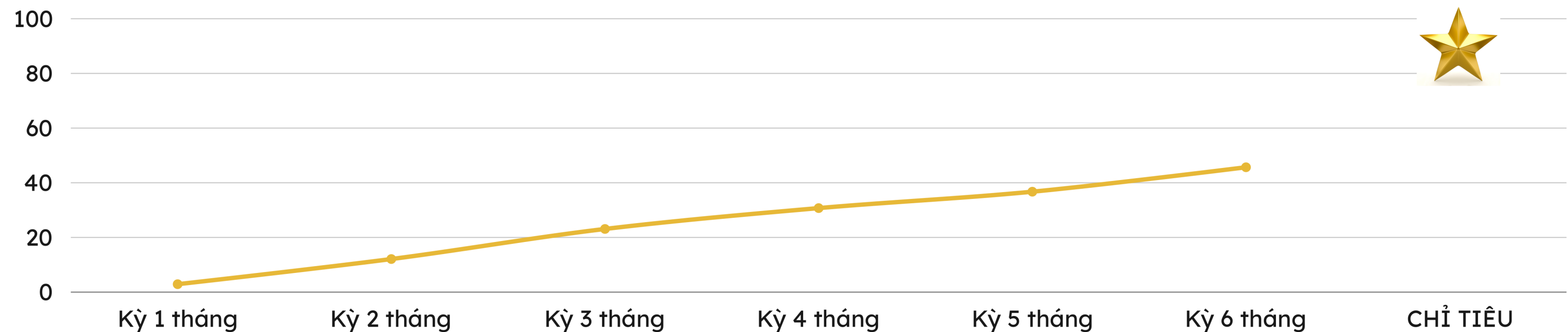
So với cùng kỳ năm 2023, số việc thi hành xong đã tăng 22,33%.

Số thi hành xong là 3.583 việc, tăng 654 việc (tăng 22,33%) so với cùng kỳ năm 2023; đạt tỉ lệ 45,67% (tăng 5,31%) so với cùng kỳ năm 2023. Còn thiếu 37,58% so với chỉ tiêu của Tổng cục giao là 83,25%;

TỶ LỆ THI HÀNH

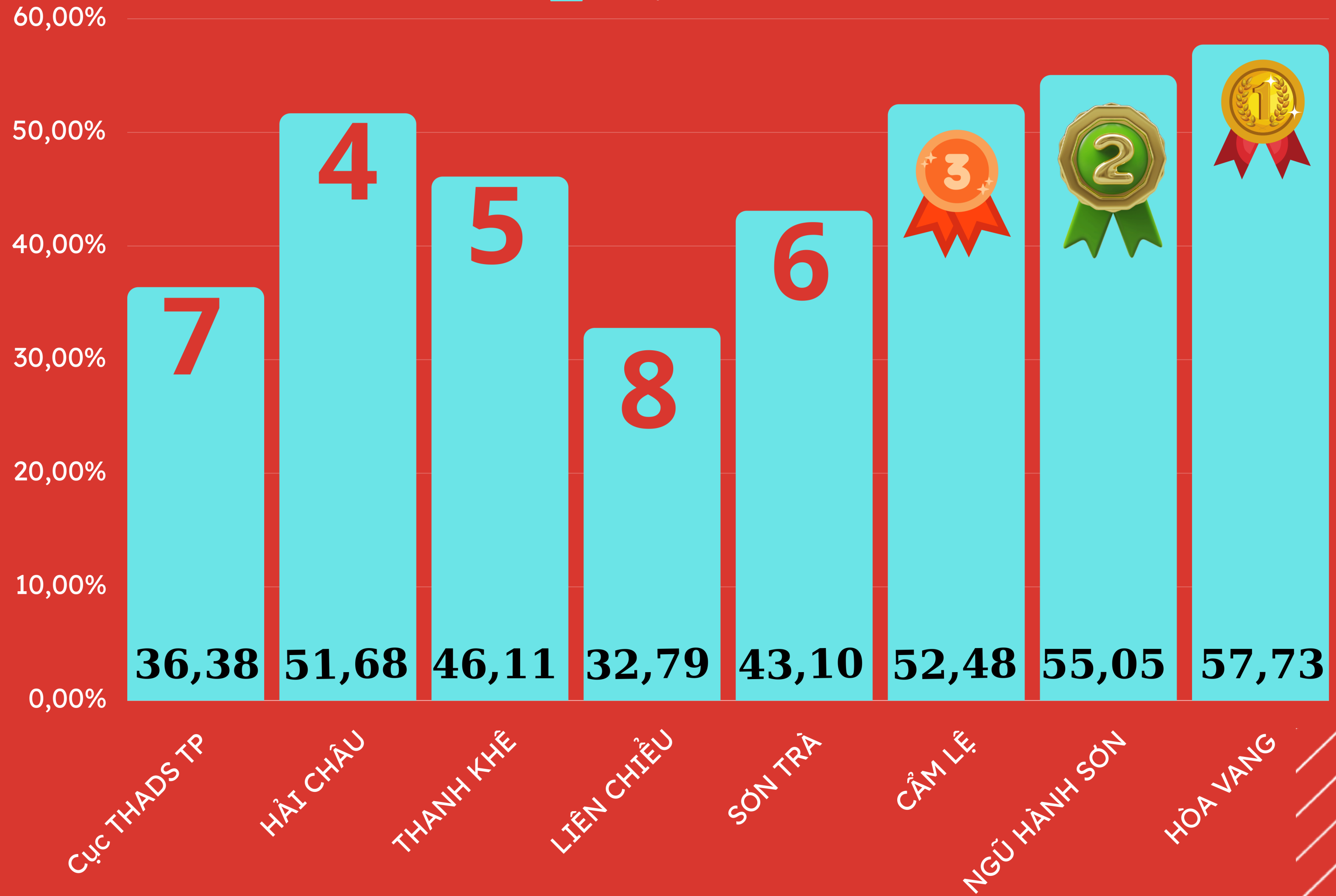
XONG: 45,67

Còn thiếu 37,58% so với chỉ tiêu của Tổng cục
giao là 83,25%;





TỶ LỆ THI HÀNH XONG



LƯỢNG ÁN MỖI CHV TẠI ĐƠN VỊ PHẢI THI HÀNH



326 324 241 234 210 187 182 118



LIÊN
CHIỀU



HÒA
VANG



SƠN
TRÀ



NGŨ
HÀNH
SƠN



HẢI
CHÂU



CẨM
LỆ



THANH
KHÊ



CỤC
THADS
TP

TRUNG BÌNH MỖI CHV TẠI ĐƠN VỊ THI HÀNH XONG SỐ VIỆC



106

95

75

74

73

65

55

25



NGŨ
HÀNH
SƠN

HÒA
VANG

HẢI
CHÂU

LIÊN
CHIỂU

SƠN
TRÀ

CẨM
LỆ

THANH
KHÊ

CỤC
THADS
TP

3 ĐƠN VỊ HOÀN THÀNH CHỈ TIÊU VỀ VIỆC CAO HƠN BÌNH QUÂN TOÀN QUỐC

1

HÒA
VANG

57,73%

2

NGŨ HÀNH
SƠN

55,05%

3

CẨM
LỆ

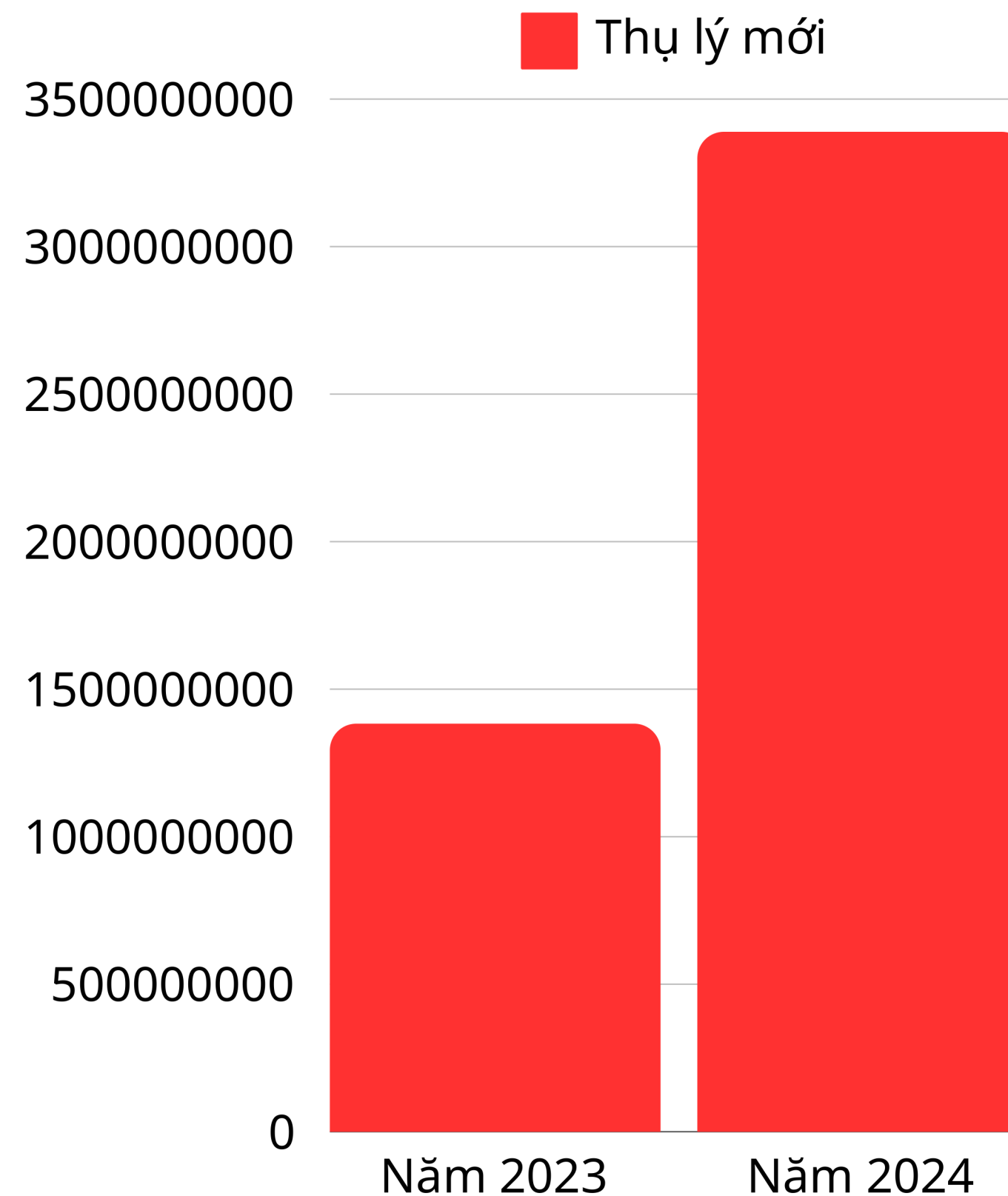
52,48

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ TIỀN

TỔNG SỐ GIẢI QUYẾT

18.329.259.046
.000đ

Tổng số giải quyết là 18.329 tỷ 259 triệu 046 nghìn đồng trong đó: Số cũ chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng) là 14.940 tỷ 155 triệu 622 nghìn đồng; Số thụ lý mới là 3.389 tỷ 103 triệu 424 nghìn đồng, tăng 2.006 tỷ 050 triệu 975 nghìn đồng (tăng 145,05%) so với cùng kỳ năm 2023.



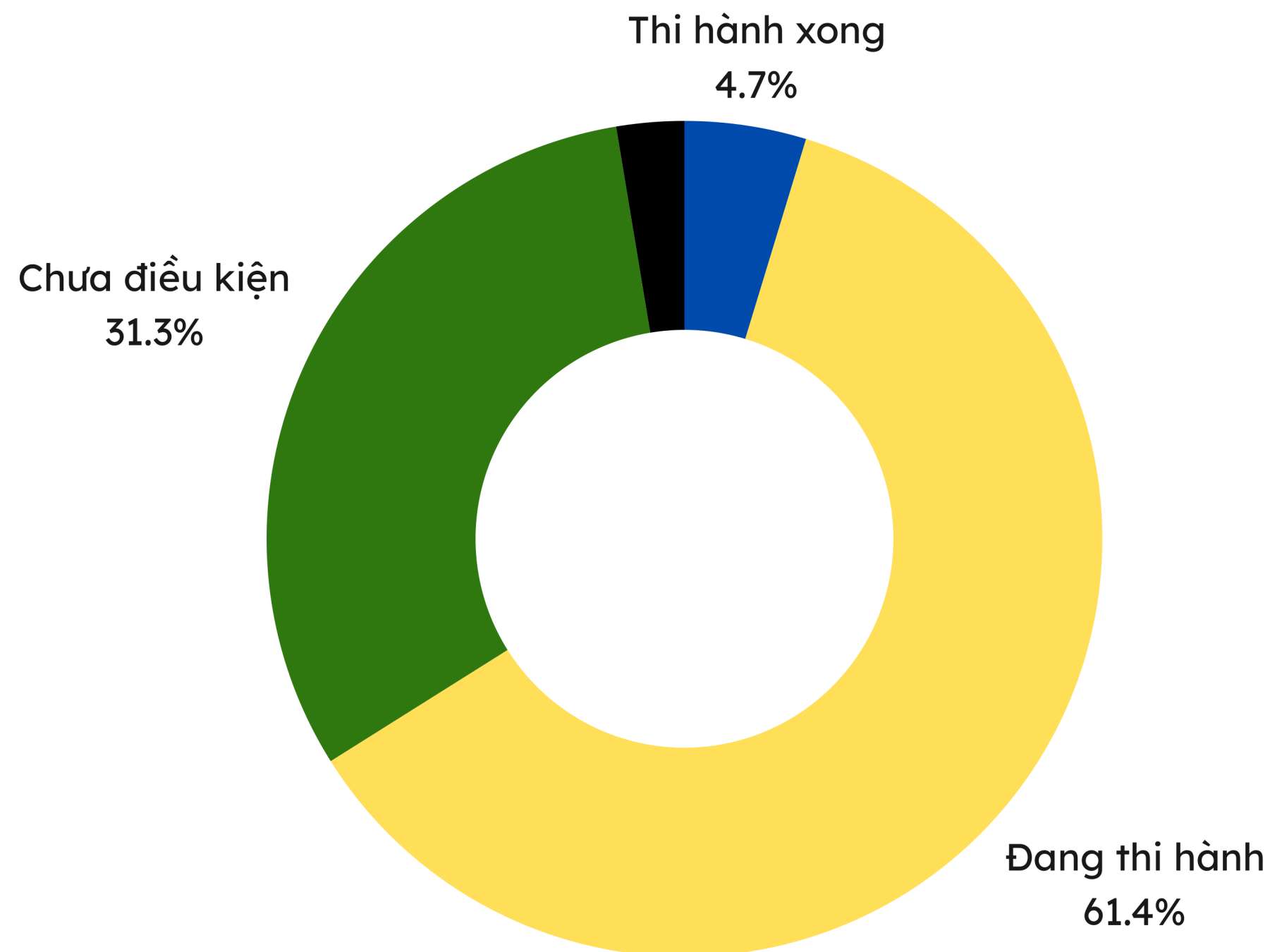
Số thụ lý mới tăng **145%** so
với cùng kỳ năm 2023

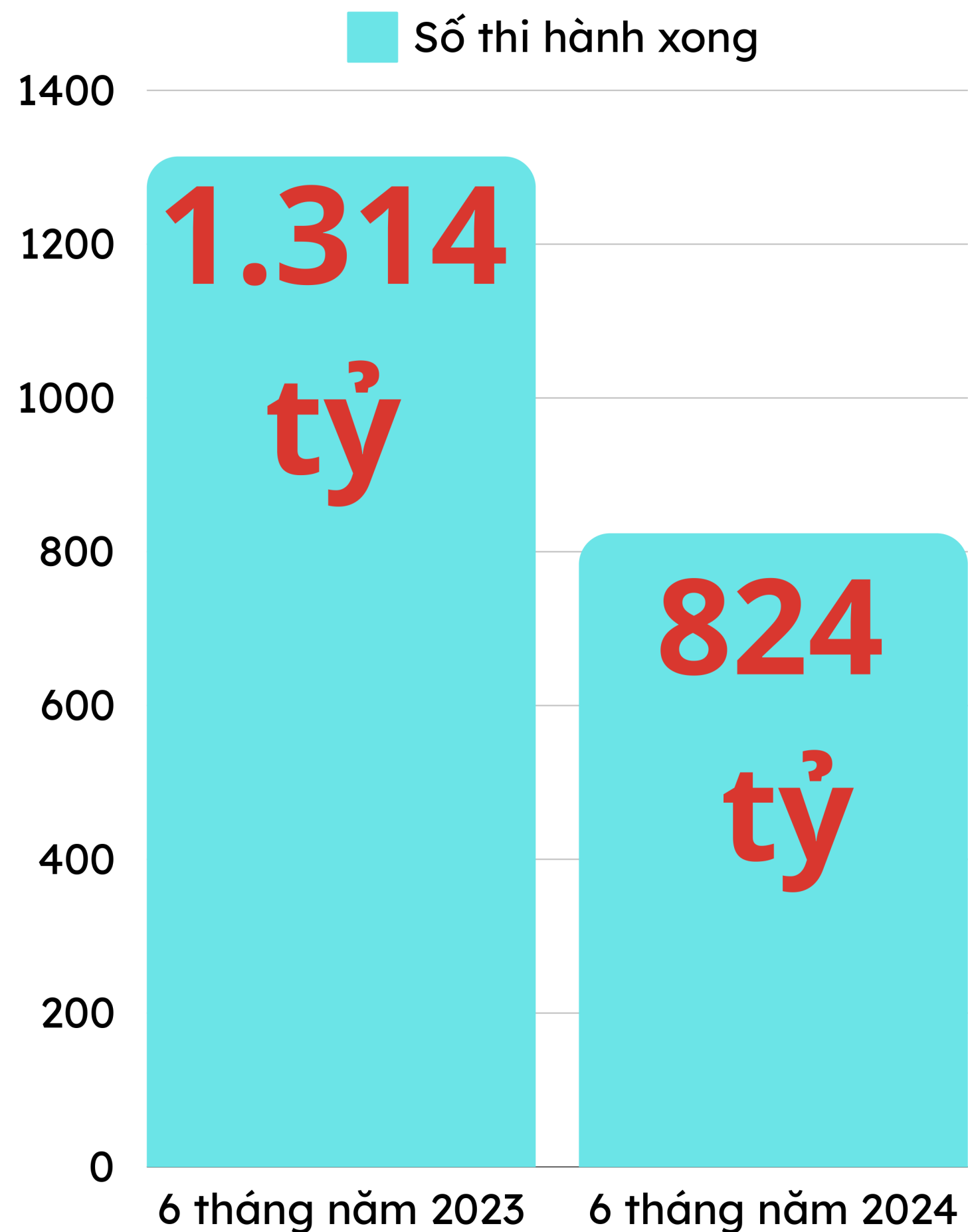
TỔNG SỐ PHẢI THI HÀNH

17.549.928.788.
000đ

Tổng số phải thi hành là 17.549 tỷ 928 triệu 788 nghìn đồng, trong đó: Số có điều kiện thi hành là 11.598 tỷ 539 triệu 478 nghìn đồng, chiếm 66,09% trong tổng số phải thi hành; Số chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng) là 5.495 tỷ 377 triệu 391 nghìn đồng, chiếm 31,31% trong tổng số phải thi hành.

Biểu đồ phân loại Thi hành án

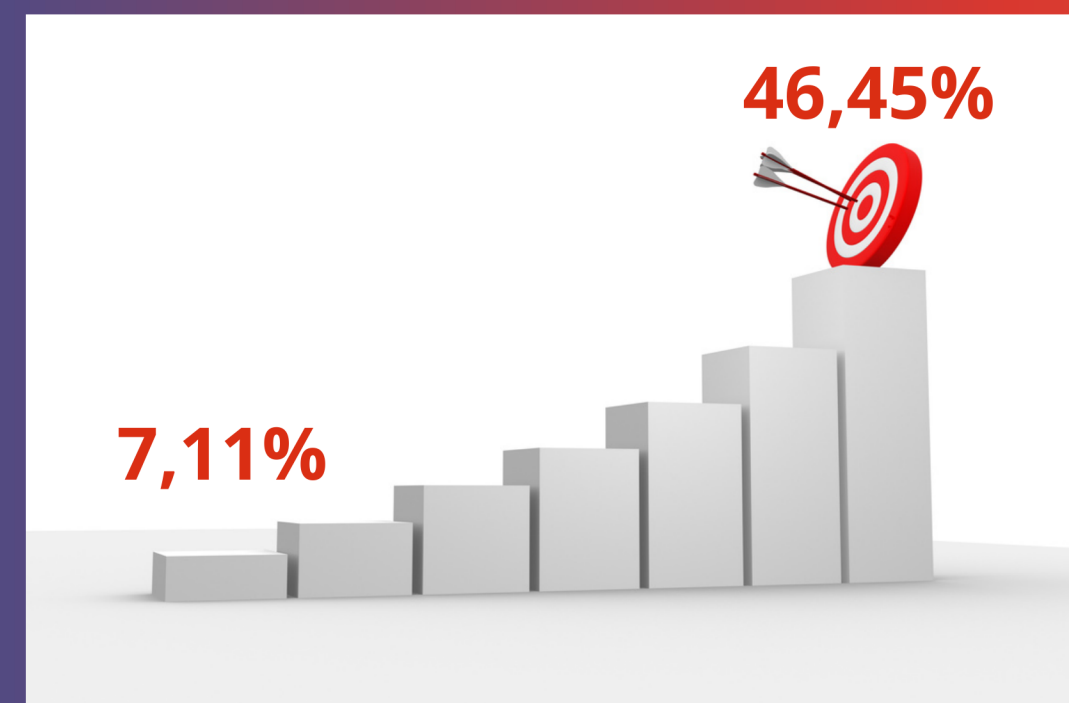




THI HÀNH XONG

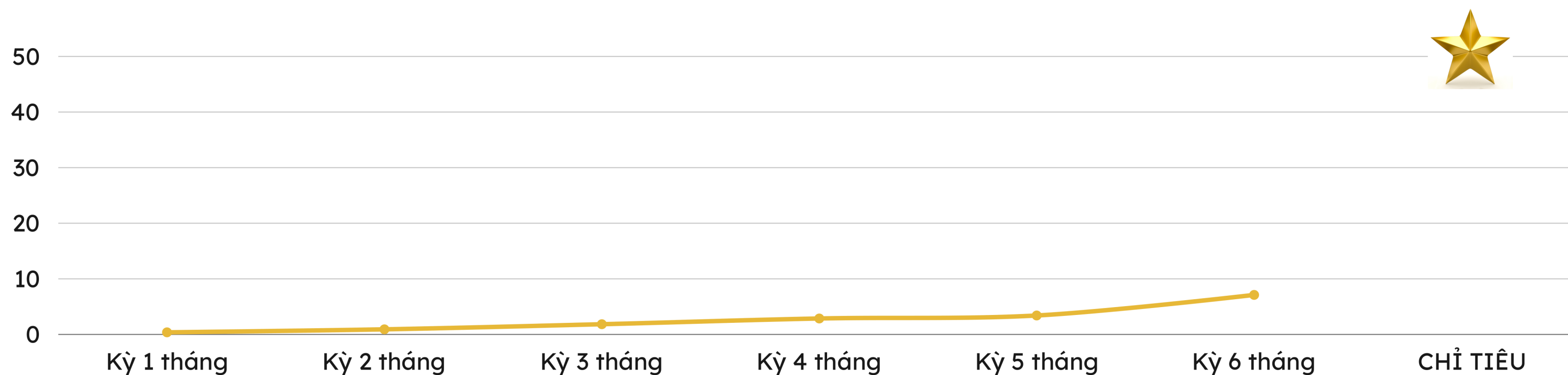
So với cùng kỳ năm 2023, tỷ lệ thi hành xong giảm 5,35%.

Số thi hành xong là 824 tỷ 922 triệu 852 nghìn đồng, giảm 489 tỷ 448 triệu 428 nghìn đồng (giảm 37,24%) so với cùng kỳ năm 2023; đạt tỉ lệ 7,11% (giảm 5,35%) so với cùng kỳ năm 2023. Còn thiếu 39,34% so với chỉ tiêu của Tổng cục THADS giao là 46,45%



TỶ LỆ THI HÀNH
XONG: 7,11%

Còn thiếu 39,34% so với chỉ tiêu của Tổng cục
THADS giao là 46,45%.



TỶ LỆ THI HÀNH XONG

35,00%
30,00%
25,00%
20,00%
15,00%
10,00%
5,00%
0,00%

CỤC THADS TP

HẢI CHÂU

THANH KHÊ

LIÊN CHIỀU

SƠN TRÁ

CẨM LỆ

NGŨ HÀNH SƠN

HÒA VANG

2,19%

33,7%

5,61%

7,55%

8,47%

11,59

2,12%

7

6

5

4

3

8



2 ĐƠN VỊ HOÀN THÀNH CHỈ TIÊU VỀ TIỀN CAO HƠN BÌNH QUÂN TOÀN QUỐC



1

HẢI
CHÂU

33,72%

2

HÒA
VANG

31,23%

**Kết quả thi hành các vụ việc liên quan đến thu hồi
nợ của các tổ chức tín dụng, ngân hàng**



1.120 VIỆC

5.262 TỶ 432 TRIỆU

Thi hành xong: 45 việc, thu được số tiền là 234 tỷ 712 triệu
302 ngàn đồng, đạt tỷ lệ 8,01% về việc và 5,65 % về tiền

8,01

5,65



Kết quả thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế

CORRUPTION CORRUPTION CORRUPTION CORRUPTION CORRUPTION CORRUPTION CORRUPTION

CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH: 58 VIỆC



THI HÀNH XONG: 24 VIỆC

CÓ ĐIỀU KIỆN : 5.225 TỶ 182 TRIỆU 573 NGÀN ĐỒNG



THI HÀNH XONG : 6 TỶ 448 TRIỆU 989 NGÀN ĐỒNG

Kết quả thi hành án có điều kiện trên 01 năm chưa thi hành xong



13,41%



1,09%



PL 1: THỐNG KÊ ÁN TRÊN 1 NĂM VỀ VIỆC

STT	Tên đơn vị	Tổng số có điều kiện thi hành trên 01 năm chưa thi hành xong	Chia ra:				Số chuyển kỳ sau	tỷ lệ thi hành xong	
			Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành			Trường hợp khác
				Thi hành xong	Đình chỉ				
A		1	2=3+4	3	4	5	7	8=5+6+7	
	TỔNG	1.961	263	243	20	1.676	2	1.698	13,41%
1	Cục THADS TP	275	61	58	3	214		214	22,18%
2	Chi cục THADS Quận Hải Châu	207	11	11	0	194	2	196	5,31%
3	Chi cục THADS Quận Thanh Khê	176	2	2	-	174	-	174	1,14%
4	Chi cục THADS Quận Cẩm Lệ	184	1	1	-	183	-	183	0,54%
5	Chi cục THADS Quận Liên Chiểu	607	113	96	17	494		494	18,62%
6	Chi cục THADS Quận Sơn Trà	202	4	4		198	0	198	1,98%
7	Chi cục THADS Quận Ngũ Hành Sơn	109	15	15	-	94	-	94	13,76%
8	Chi cục THADS huyện Hoà Vang	201	56	56	-	125		145	27,86%

PL 2: THỐNG KÊ ÁN TRÊN 1 NĂM VÊ TIỀN

STT	Tên đơn vị	Tổng số có điều kiện thi hành trên 01 năm chưa thi hành xong	Chia ra:					Số chuyển kỳ sau	tỷ lệ thi hành xong
			Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành	Trường hợp khác		
				Thi hành xong	Đình chỉ				
A		1	2=3+4	3	4	5	7	8=5+6+7	
	TỔNG	7.479.734.863	81.346.627	76.607.122	4.403.193	7.389.806.406	9.006	7.398.388.236	1,09%
1	Cục THADS TP	4.327.045.104	34.990.773	34.695.376	295.397	4.292.054.331		4.292.054.331	0,81%
2	Chi cục THADS Quận Hải Châu	313.875.249	109.951	100.984	8.967	313.756.292	9.006	313.765.298	0,04%
3	Chi cục THADS Quận Thanh Khê	519.873.958	716.446	716.466	-	519.157.512		519.157.512	0,14%
4	Chi cục THADS Quận Cẩm Lệ	164.319.280	336.332		-	163.982.948	-	163.982.948	0,20%
5	Chi cục THADS Quận Liên Chiểu	382.129.475	6.904.055	6.855.727	48.328	375.225.420		375.225.420	1,81%
6	Chi cục THADS Quận Sơn Trà	284.516.294	154.885	154.885		284.361.409	0	284.361.409	0,05%
7	Chi cục THADS Quận Ngũ Hành Sơn	1.438.891.573	21.942.083	21.933.787	8.296	1.416.949.490	-	1.416.949.490	1,52%
8	Chi cục THADS H. Hòa Vang	49.083.930	16.192.102	12.149.897	4.042.205	24.319.004		32.891.828	32,99%

PL 3: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN VỀ VIỆC

STT	Tên chi tiêu	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	Phân loại số có điều kiện trên tổng số phải thi hành	Xếp hạng tổng số giải quyết	Xếp hạng thụ lý mới	Xếp hạng tổng số phải thi hành	Xếp hạng tổng số có điều kiện	Xếp hạng tổng số thi hành xong	Xếp hạng kết quả THA	Số lượng CHV	Trung bình CHV phải thi hành	Xếp hạng lượng án CHV phải thi hành	Trung bình mỗi CHV tại đơn vị thi hành xong số án	Chỉ tiêu giao	Còn thiếu so với chỉ tiêu được giao	Số việc cần phải thi hành xong để đạt được chỉ tiêu	Số việc trung bình mỗi CHV phải thi hành xong để đạt được chỉ tiêu
A		19															
	Tổng số	45,67%	66,49%							55	215	-	65	83,35%	-37,68%	2.957	54
1	Cục Thi hành án DS	36,38%	58,62%	7	8	7	7	8	7	10	118	8	25	83,35%	-46,97%	324	32
2	Chi cục THADS Q. Hải Châu	51,68%	69,06%	2	1	2	2	1	4	9	210	4	75	83,55%	-31,87%	417	46
3	Chi cục THADS Q. Thanh Khê	46,11%	65,29%	3	3	3	4	4	5	8	182	7	55	83,55%	-37,44%	356	45
4	Chi cục THADS Q. Liên Chiểu	32,79%	69,31%	1	4	1	1	2	8	7	326	1	74	83,35%	-50,56%	800	114
5	Chi cục THADS Q. Sơn Trà	43,10%	70,17%	4	2	4	3	5	6	6	241	3	73	83,55%	-40,45%	410	68
5	Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ	52,48%	66,18%	5	5	5	5	3	3	7	187	6	65	83,35%	-30,87%	268	38
7	Chi cục THADS Q. Ngũ Hành Sơn	55,05%	82,57%	8	6	8	6	6	2	4	234	5	106	83,35%	-28,30%	218	55
8	Chi cục THADS H. Hòa Vang	57,73%	50,89%	6	7	6	8	7	1	4	324	2	95	83,55%	-25,82%	170	43

PL 3: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN VỀ TIỀN

STT	Tên chỉ tiêu	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	Phân loại số có điều kiện trên tổng số phải thi hành	Xếp hạng tổng số giải quyết	Xếp hạng thụ lý mới	Xếp hạng tổng số phải thi hành	Xếp hạng tổng số có điều kiện	Xếp hạng tổng số thi hành xong	Xếp hạng phân loại	Xếp hạng kết quả THA	Số lượng CHV	Trung bình CHV phải thi hành	Chỉ tiêu giao	Còn thiếu so với chỉ tiêu được giao	Số tiền cần phải thi hành xong để đạt được chỉ tiêu
A		19													
	Tổng số	7,11%	66,09%								55	333.259.255	46,45%	-39,34%	4.562.598.736
1	Cục Thi hành án DS	2,19%	55,64%	1	3	1	1	2	7	7	10	993.051.281	46,55%	-44,36%	2.450.305.937
2	Chi cục THADS Q. Hải Châu	33,72%	64,99%	3	1	3	3	1	6	1	9	282.087.330	46,75%	-13,03%	162.239.703
3	Chi cục THADS Q. Thanh Khê	5,61%	87,34%	4	2	4	4	3	3	6	8	178.355.171	46,75%	-41,14%	491.885.455
4	Chi cục THADS Q. Liên Chiểu	7,55%	88,63%	6	5	5	5	4	2	5	7	119.762.128	46,55%	-39,00%	285.737.182
5	Chi cục THADS Q. Sơn Trà	8,47%	65,38%	5	4	6	6	5	5	4	6	144.898.290	46,75%	-38,28%	206.818.842
6	Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ	11,59%	67,67%	7	6	7	7	6	4	3	7	80.688.969	46,55%	-34,96%	128.387.395
7	Chi cục THADS Q. Ngũ Hành Sơn	2,12%	97,51%	2	7	2	2	7	1	8	4	487.520.171	46,55%	-44,43%	838.440.754
8	Chi cục THADS H. Hòa Vang	31,23%	51,52%	8	8	8	8	8	8	2	4	52.622.699	46,75%	-15,52%	16.557.817



THANK YOU